TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2021

"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Nhàn

2. Bà Trương Thị Hiệp

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 176/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: 137 đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

* *Bị đơn*: Anh Huỳnh Văn H2, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: 137 đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H1 trình bày*: Chị và anh Huỳnh Văn H2 có thời gian tìm hiểu khoảng 06 năm và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ. Sau khi

cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng tại khu vực B, phường Đ được 1 năm thì vợ chồng về sống tại nhà cha mẹ chị ở phường N, được 03 năm đến năm 2020 thì ra thuê nhà ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị phát hiện anh H2 có tình cảm với người phụ nữ khác từ việc chị đọc được tin nhắn tình cảm giữa anh H2 và người phụ nữ này. Lúc đó anh H2 thừa nhận và hứa sẽ từ bỏ nhưng được một thời gian thì anh H2 lại chứng nào tật nấy, nhiều lần chị phát hiện anh H2 có tình cảm với người này, người kia, anh luôn hứa sẽ thay đổi nhưng vẫn không thay đổi được. Chị dần mất lòng tin với anh H2 nhưng vì lúc đó đang mang thai con thứ hai nên vẫn chấp nhận tiếp tục chung sống. Đến đầu năm 2021 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nhất khi chị phát hiện anh H2 có con riêng với người phụ nữ khác, do người phụ nữ này trực tiếp gọi điện nói với chị, khi chị hỏi thì anh H2 thừa nhận và xin lỗi nhưng chị không chấp nhận nên từ đó vợ chồng sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai; Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn H2.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Huỳnh Nguyễn Bảo N sinh ngày 30.6.2016 và Huỳnh Nguyễn Bảo T sinh ngày 14.10.2019 hiện đang sống với vợ chồng, ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Huỳnh Văn H2 trình bày*: Anh và chị Nguyễn Thị Thúy H1 tổ chức lễ cưới vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh được một thời gian ngắn, do vợ và mẹ không hợp nhau nên đến năm 2014 vợ chồng ra thuê nhà ở riêng. Vợ chồng chung sống bình thường, từ 01 năm trở lại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay chị H1 yêu cầu ly hôn thì H1 muốn làm gì làm chứ anh không đồng ý ly hôn, cũng không đến Tòa vì cần thời gian để suy nghĩ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Huỳnh Nguyễn Bảo N sinh ngày 30.6.2016 và Huỳnh Nguyễn Bảo T sinh ngày 14.10.2019 hiện đang sống với vợ chồng. Nếu ly hôn anh thống nhất giao 02 con cho chị H1 nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy H1 đối với anh Huỳnh Văn H2.

- Về con chung: Giao 02 người con Huỳnh Nguyễn Bảo N và Huỳnh Nguyễn Bảo T cho chị H1 nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H2 vì chị H1 không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Chị H1, anh H2 không yêu cầu nên không giải quyết

- Về án phí: Buộc chị H1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Văn H2 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H2.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy H1 và anh Huỳnh Văn H2 có thời gian tìm hiểu và tự nguyện xác lập hôn nhân, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND phường Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị H1 và anh H2 phát sinh mâu thuẫn từ việc chị H1 nghi ngờ anh H2 có tình cảm và có con riêng với người phụ nữ khác nên tại phiên tòa chị H1 kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh H2. Ngược lại anh H2 xác định vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị H1 muốn làm gì làm chứ anh không đồng ý ly hôn và không đến Tòa án giải quyết vì cần thời gian suy nghĩ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và H2 giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên các lần hoà giải thì anh H2 vắng mặt và khi Tòa án làm việc thì anh H2 không yêu cầu hòa giải, chứng tỏ anh H2 không tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mặc dù còn sống chung nhưng chị H1 anh H2 mạnh ai nấy lo, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Hơn nữa, trong khoảng thời gian này, chị H1 anh H2 cũng không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng nên việc anh H2 không đồng ý ly hôn vì cần thời gian suy nghĩ là không có căn cứ và không thuyết phục. Như vậy, hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn

của chị Nguyễn Thị Thúy H1 đối với anh Huỳnh Văn H2.

[2.2] Về con chung: Chị H1, anh H2 cùng xác định vợ chồng có 02 người con tên Huỳnh Nguyễn Bảo N sinh ngày 30.6.2016 và Huỳnh Nguyễn Bảo T sinh ngày 14.10.2019, ly hôn chị H1 yêu cầu nuôi hai người con còn anh H2 thống nhất trong trường hợp ly hôn thì giao 2 người con cho chị H1 nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị H1 anh H2, thấy rằng: Tính đến ngày xét xử, hai cháu Bảo N, Bảo T vẫn còn rất nhỏ, cháu Bảo T chưa được 36 tháng tuổi, các cháu rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên công nhận giao 02 người con Huỳnh Nguyễn Bảo N và Huỳnh Nguyễn Bảo T cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Chị H1 không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H1, anh H2 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy H1 được ly hôn với anh Huỳnh Văn H2.

2- Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao 02 người con tên Huỳnh Nguyễn Bảo N sinh ngày 30.6.2016 và Huỳnh Nguyễn Bảo T sinh ngày 14.10.2019 cho chị Nguyễn Thị Thúy H1 tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở

người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H1, anh H2 không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thúy H1 phải chịu 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001589 ngày 29.3.2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Huỳnh Văn H2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định*
- *VKSND TX. An Nhơn*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn*
- *UBND phường Đ*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*
- *Lưu án văn*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ